

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 86/2025/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thủ Dầu Một, ngày 17 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 73/2025/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:
 - Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Nguyễn Phạm Thảo Q, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: Số xx, đường 14, KDC Hiệp Thành xx, Tổ 105, Khu phố xx, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Trần Minh T, sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: Số xx, đường 14, KDC Hiệp Thành xx, Tổ 105, Khu phố xx, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Phạm Thảo Q và ông Trần Minh T chung sống và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số xx, quyển số 02/2012, ngày 08 tháng 8 năm 2013, tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không còn hạnh phúc. Bà Nguyễn Phạm Thảo Q và ông Trần Minh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do bà Q và ông T đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn

nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống bà Nguyễn Phạm Thảo Q và ông Trần Minh T có 02 con chung là Trần Phúc Minh K, sinh ngày 20/02/2014 và Trần Phúc Minh Kh, sinh ngày 26/5/2018. Bà Q và ông T thống nhất thỏa thuận giao con chung Trần Phúc Minh K, sinh ngày 20/02/2014 và Trần Phúc Minh Kh, sinh ngày 26/5/2018 cho bà Nguyễn Phạm Thảo Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Thỏa thuận của bà Q và ông T phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Q và ông T thỏa thuận

- Ông Trần Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Trần Phúc Minh K, sinh ngày 20/02/2014 và Trần Phúc Minh Kh, sinh ngày 26/5/2018 mỗi con, mỗi tháng 4.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Tòa án ra Quyết định đến ngày 31/12/2027.

- Ông Trần Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Trần Phúc Minh K, sinh ngày 20/02/2014 và Trần Phúc Minh Kh, sinh ngày 26/5/2018 mỗi con, mỗi tháng 5.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/01/2028 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Phạm Thảo Q và ông Trần Minh T mỗi người chịu số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) là phù hợp quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07 tháng 3 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Phạm Thảo Q và ông Trần Minh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là Trần Phúc Minh K, sinh ngày 20/02/2014 và Trần Phúc Minh Kh, sinh ngày 26/5/2018 cho bà Nguyễn Phạm Thảo Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Trần Phúc Minh K, sinh ngày 20/02/2014 và Trần Phúc Minh Kh, sinh ngày 26/5/2018 mỗi con, mỗi tháng 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Tòa án ra Quyết định đến ngày 31/12/2027. Kể từ ngày 01/01/2028 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông Trần Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con, mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Phạm Thảo Q nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng); ông Trần Minh T nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24 số 0009211 ngày 17/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP.Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP.Thủ Dầu Một;
- UBND phường P, thành phố T
(GCN KH số xx, quyền số 02/2012, ngày 08/8/2013);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Minh Nga